

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**
Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-07-2026

*“V/v: Không công nhận quan hệ vợ
chồng”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tú; bà Ngô Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31/07/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2026 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/07/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Nguyên D, sinh ngày 13/03/1977; Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường B, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt.*

CCCD số: 066177002599 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 30/06/2022.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng P, sinh ngày 22/09/1974. Địa chỉ: Nhà số 79, Thôn L, xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

CCCD số: 066074001377 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/08/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Nguyên D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Nguyễn Hồng P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, chúng tôi không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian và đến đầu năm 2007 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến chúng tôi đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2007 cho đến nay và mỗi người

ở một nơi. Tôi thì sinh sống tại phường B, tỉnh Đắk Lắk còn anh P thì sinh sống tại thôn L, xã Ea K. Hiện ai có cuộc sống người đó không ai quan tâm đến ai.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm không còn. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho tôi với anh Nguyễn Hồng P. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho chúng tôi.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, chúng tôi có 01 con chung là: cháu Nguyễn Hoàng Tịnh N, sinh ngày 20/10/2000. Hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của cháu nên tôi không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng*: Do con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm khác.

*** *Quá trình làm việc, bị đơn anh Nguyễn Hồng P trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi với chị Hoàng Thị Nguyên D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Tuy nhiên, chúng tôi không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên, đến đầu năm 2007 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến chúng tôi đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2007 cho đến nay và mỗi người ở một nơi. Tôi thì sinh sống tại thôn L, xã Ea K còn chị D thì sinh sống tại phường B. Hiện ai có cuộc sống người đó không ai quan tâm đến ai.

Nay chị Hoàng Thị Nguyên D làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk với nội dung đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị D với tôi thì tôi đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chúng tôi.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tịnh N, sinh ngày 20/10/2000. Hiện nay cháu đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của cháu nên tôi không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm khác.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tịnh N, sinh ngày 20/10/2000. Hiện nay đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Vì vậy không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Nguyên D khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng P cư trú tại xã Ea K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Nguyên D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn cụ thể là không công nhận quan hệ vợ chồng*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Hoàng Thị Nguyên D làm đơn khởi kiện đề nghị xem xét Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Hồng P. Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào lời khai nhận của chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P tại Tòa án thì anh chị đều thừa nhận: Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đến năm 2007 thì không chung sống cùng nhau, không có kết hôn theo quy định của pháp luật; Căn cứ theo Công văn trả lời của Ủy ban nhân dân xã Ea K và UBND phường B cung cấp cho Tòa án đều thể hiện: Qua kiểm tra hệ thống hộ tịch và tàng thư lưu trữ hộ tịch thì từ năm 1995 cho đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều

14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do đó, chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P không được công nhận là vợ chồng.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa chị D với anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tịnh N, sinh ngày 20/10/2000. Hiện nay đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Nên chị D, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do con chung đã trên 18 tuổi nên chị D, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Nguyên D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Con chung là cháu Nguyễn Hoàng Tịnh N, sinh ngày 20/10/2000. Hiện nay đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Chị D, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị Nguyên D và anh Nguyễn Hồng P xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Nguyên D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0006288 ngày 02 tháng 06 năm 2026.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh